TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2023/DS-PT
Ngày: 07/11/2023
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Ngọc Quí** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Đỗ Văn Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 184/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 202/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Linh C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số A, đường T, khóm B, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số E, đường A, khóm C, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Quốc B: Luật sư Phạm Minh T – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Lan T1, sinh năm 1968.

3.2. Chị Nguyễn Lê Tường V, sinh năm 1997.

3.3. Anh Nguyễn Lê Quốc A, sinh năm 2004.

Địa chỉ: số E, đường A, khóm C, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/11/2020 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Linh C trình bày:

Mẹ bà là cụ Nguyễn Thị L (Lể), cha bà là cụ Lê Văn S. Hai cụ sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng sống chung từ năm nào bà không rõ. Cụ L và cụ S cụ có hai người con: Nguyễn Quốc B, sinh năm 1963 và Nguyễn Linh C, sinh năm 1964. Hai cụ không có con nuôi. Cụ S và cụ L sống ly thân từ năm 1964, cụ S trở về Bến Tre sinh sống cho đến nay, cụ S đã có vợ, con khác, cụ L biết nhưng không có ý kiến, không phản đối. Sau khi ly thân với cụ S, cụ L không kết hôn với ai mà chỉ sống một mình để nuôi bà C và ông B cho đến cuối đời.

Cụ L1 mất năm 2018, có để lại di chúc ngày 14/5/2003 được Ủy ban nhân dân Phường E chứng thực. Nội dung di chúc cụ L để lại toàn bộ thửa đất số 186, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,2m^2 gắn liền căn nhà tọa lạc tại Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cho bà và ông B. Sau khi cụ L qua đời bà yêu cầu ông B thực hiện theo di chúc nhưng ông B không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Nguồn gốc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 10, do ông N của bà tên Nguyễn Ngọc Ấ thuê của địa chủ canh tác từ 1969 đến năm 1984 cụ Ấ mất thì cụ Nguyễn Thị L là mẹ bà tiếp tục quản lý canh tác. Vì cụ L có công chăm sóc cụ Ấ và cụ Q nên các cậu, dì của bà đồng ý giao thửa đất 186 cho cụ L thừa kế.

Ngày 30/3/1993, cụ L làm Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 22/12/1999, cụ L được Ủy ban nhân dân tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 186, tờ bản đồ số 10. Đến ngày 20/4/2015, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 10 được cấp đổi lại lần 2 cho bà Nguyễn Thị L và sử dụng cho đến nay.

Bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông B chia đôi thửa đất 186, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,2m^2, bà và ông B mỗi người nhận 51,6m^2; căn nhà và tài sản trong nhà thống nhất giao cho ông B quản lý sử dụng, không yêu cầu chia.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/11/2022, bà C sửa đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể bà yêu cầu nhận giá trị 2 đất theo giá thị trường, giao ông B nhận hiện vật.

Tại đơn phản tố ngày 06/6/2022 (BL177), bản tự khai ngày 31/5/2021 (BL 218), cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về: Nhân thân của cha mẹ là cụ L và cụ S; hàng thừa kế của cụ L chỉ có ông và bà C, không còn ai khác; nguồn gốc quá trình tạo lập thửa đất số 186 và di chúc ngày 14/5/2003 của cụ lập.

Riêng việc kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 186 là đăng ký hộ gia đình do cụ L đại diện đứng tên, thành viên trong hộ là ông chứ không phải đăng ký cá nhân cụ L như bà C trình bày, nên thửa đất số 186, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,2m^2 là tài sản chung của hộ gia đình gồm ông và cụ L.

Ông B giữ nguyên yêu cầu phản tố: Yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất 186, ông được nhận ½ = 51,6m^2, phần còn lại 51,6m^2 là di sản của cụ L, ông đồng ý chia thừa kế theo di chúc ngày 14/5/2003. Ông và bà C mỗi người được chia ½ x 51,6m^2 = 25,8m^2. Ông yêu cầu được nhận đất để ở và tiếp tục làm nhà thờ, ông thối giá trị đất cho bà C, vì bà C đã có chỗ ở ổn định.

Ông B thừa nhận tờ cam kết ngày 22/7/2003 là do ông viết tại Công an thị xã V. Ông và bà Lan T1 ký tên vào. Ông xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Nguyễn Thị L (năm 1999) là do ông giữ, ông có cam kết và hứa trả lại cụ L nhưng do Công an mời cụ L không đến làm việc nên ông không trả và tiếp tục giữ cho đến khi cấp đổi lại giấy mới theo Vlap và giữ giấy cho đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lan T1, chị Nguyễn Lê Tường V1: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu phản tố của ông B, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 652, 653, 655 và 656 Bộ Luật Dân sự năm 1995; các Điều 208, 209, 212, 219, 624, 625, 627, 628, 630, 636, 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 179 Luật Đất đai 2013; Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Linh C về việc yêu cầu ông Nguyễn Quốc B chia thừa kế thửa đất số 186, tờ bản đồ 10, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo di chúc ngày 14/5/2003 của cụ Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị L2).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc B về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ 10, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận cho ông Nguyễn Quốc B được quyền sử dụng phần đất có diện tích 103,2m^2, thuộc thửa số 186, tờ bản đồ số 10, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Trong đó: 30,96m^2 là phần ông B được chia tài sản chung với cụ Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị L2) và 72,24m^2 ông B được nhận thừa kế từ cụ Nguyễn Thị L (Nguyễn Thị L2) (đính kèm kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 24/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2023).

Ông Nguyễn Quốc B phải liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất được giao theo quy định pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Quốc B phải hoàn trả giá trị phần đất được chia thừa kế cho bà Nguyễn Linh C bằng số tiền 234.780.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí khảo sát đo đạc; xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định chữ ký, chữ viết tổng cộng 5.393.539 đồng; bà C và ông B mỗi người phải nộp 2.697.000 đồng. Bà C đã tạm ứng nên buộc ông Nguyễn Quốc B phải nộp 2.697.000 đồng (Hai triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn đồng) để hoàn trả bà Nguyễn Linh C.

Chi phí khảo sát đo đạc; xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2023: 1.979.345 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng) bà C tự nguyện nộp, đã nộp xong.

4. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Linh C phải nộp 11.739.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.416.000 đồng theo Biên lai thu số 0000206 ngày 28/4/2021 tại Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố V, nên hoàn trả bà C số tiền 3.677.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

Ông Nguyễn Quốc B được miễn án phí dân sự sơ thẩm, nên hoàn trả ông B số tiền tạm ứng án phí 8.385.000 đồng (Tám triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001267 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Linh C có đơn kháng cáo với nội dung:

- Nguyên đơn Nguyễn Linh C yêu cầu được hưởng thừa kế phần đất thửa đất số 186, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,2m^2, loại đất thổ; tọa lạc tại phường E, thành phố V do bà Nguyễn Thị L để lại có diện tích 41,9m^2 và yêu cầu nhận lại hiện vật.
- Nguyên đơn Nguyễn Linh C yêu cầu áp dụng giá đất thị trường tại vị trí đất tranh chấp ở địa phương để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Quốc B có đơn kháng cáo với nội dung:

- Bị đơn Nguyễn Quốc B yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất 51,6m^2 (= 50% diện tích thửa 186, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,2m^2, loại đất thổ; tọa lạc tại phường E, thành phố V); yêu cầu chia thừa kế diện tích 51,6m^2 còn lại thành 2 phần cho ông B và bà C mỗi người nhận 25,8m^2. Ông B yêu cầu công nhận nhà đất thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,2m^2, loại đất thổ; tọa lạc tại phường E, thành phố V cho ông B. Ông B đồng ý hoàn giá trị 25,8m^2 x 6.500.000 đồng/m^2 = 167.700.000 đồng cho bà C.
- Bị đơn ông Nguyễn Quốc B yêu cầu chịu ¼ chi phí tố tụng là 1.348.385 đồng trên tổng số tiền chi phí tố tụng là 5.393.539 đồng.

Ngày 01 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân kết hợp với cơ quan chuyên môn tiến hành định giá lại thửa đất 186, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,2m^2, loại đất thổ tọa lạc tại phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị L đứng tên. Qua thỏa thuận, nguyên đơn, bị đơn thống nhất mức giá áp dụng đối với phần đất tranh chấp là 11.000.000 đồng/m^2.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện thỏa thuận giao cho bị đơn quản lý sử dụng toàn bộ phần đất thửa 186, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,2m^2, loại đất thổ tọa lạc tại phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; bị đơn đồng ý trả giá trị cho nguyên đơn

40m^2 với số tiền 440.000.000 đồng (11.000.000 đồng/m^2 x 40m^2 = 440.000.000 đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Quốc B rút yêu cầu kháng cáo đối với chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm.

Về chi phí khảo sát định giá đất tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Linh C đồng ý nộp, đã nộp xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn Linh C. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 94/2023/DS-ST ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Buộc ông Nguyễn Quốc B phải hoàn trả giá trị phần đất 40m^2 cho bà Nguyễn Linh C bằng số tiền 440.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Nguyễn Quốc B đối với phần chi phí tố tụng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Linh C nộp 20.160.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Quốc B do là người cao tuổi.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà C và ông B không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Linh C và ông Nguyễn Quốc B còn trong hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Cụ Nguyễn Thị L chết năm 2018, cụ L có hai người còn chung gồm ông B, bà C, khi cụ L chết để lại tài sản 103,2m^2, thửa 186, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại đường A, khóm C, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa bà C, ông B tự nguyện thỏa thuận giao cho ông B quản lý sử dụng phần đất thửa 186, diện tích 103,2m^2, tọa lạc tại khóm C, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, ông B có trách nhiệm trả giá trị cho bà C 40m^2 số tiền 440.000.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận phù hợp pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Do sửa bản án nên điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể, bà C nộp 20.160.000 đồng, ông B nộp 22.809.000 đồng, ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Chi phí tố tụng ở cấp sơ thẩm ông B rút kháng cáo nên đình chỉ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 652, 653, 655 và 656 Bộ Luật Dân sự năm 1995; các Điều 208, 209, 212, 219, 624, 625, 627, 628, 630, 636, 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 179 Luật Đất đai 2013; Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc B hoàn trả giá trị phần đất 40m^2 cho nguyên đơn bà Nguyễn Linh C bằng số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành nếu những người bị thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Hủy đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc B về phần chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí khảo sát định giá tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Linh C đồng ý nộp, đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Linh C phải nộp 20.160.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng). Số tiền tạm ứng án phí bà C nộp 15.416.000 đồng theo Biên lai thu số 0000206 ngày 28/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long sẽ được khấu trừ vào án phí dân sự sơ thẩm, bà C phải nộp tiếp 4.744.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Ông Nguyễn Quốc B được miễn án phí, nên hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí 8.385.000 đồng (Tám triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001267 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm sẽ được hoàn trả lại cho các đương sự. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Linh C tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng theo Biên lai thu số 0002310 ngày 18/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- Chánh án 01;
- TAND TP V 01;
- THADS TP V 01;
- Các ĐS 05;
- HCTP 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng